

Bản án số: 21/2024/DS-PT  
Ngày 08 - 01 - 2024  
Về việc tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Ngọt

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Văn Tỉnh

Ông Tôn Văn Thông

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2023/DS-PT ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4368/2023/QĐPT-DS ngày 15 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số E ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre; (Văn bản ủy quyền ngày 01/3/2023); (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Trần Văn S – Văn phòng Luật sư Võ Tấn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; (Có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị D, sinh năm 1966; (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1969; (Ông X yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số I ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Trần Thị D.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

### **Theo bản án sơ thẩm**

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, biên bản hòa giải cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:*

Ngày 09/01/2023 bà Nguyễn Thị Ú có cho bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X vay số tiền là 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất theo quy định Nhà nước. Bà D, ông X nói vay để trả tiền Ngân hàng, sau khi vay đáo hạn Ngân hàng xong sẽ trả tiền lại (thời hạn là 02 tháng). Hai bên có lập biên nhận cùng ngày do bà D tự viết giấy biên nhận và ký tên vào phía bên người nhận và bà Văn Thị B là người làm chứng. Đã quá 02 tháng bà Ú có đòi nhiều lần nhưng bà D, ông X vẫn chưa trả nợ.

Bà Ú yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 09/01/2023 đến khi giải quyết xong vụ án. Rút lại yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng.

*Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bà Trần Thị D trình bày:*

Bà thừa nhận có vay tiền bà Ú và còn nợ bà Nguyễn Thị Ú số tiền là 150.000.000 đồng, bà vay tiền này để cho người khác vay lại nhưng do người khác không trả tiền nên không thể trả cho bà Ú theo thỏa thuận, số tiền vay này là cá nhân bà vay không liên quan đến ông Nguyễn Văn X nên không yêu cầu ông X liên đới nghĩa vụ cùng trả. Nay bà xin trả dần số tiền này cho đến khi dứt nợ,

*Theo đơn trình bày ngày 04/5/2023 ông Nguyễn Văn X trình bày:*

Nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú có cho vợ tôi là Trần Thị D vay số tiền 150.000.000 đồng của bà Ú trong lúc vợ tôi đang điều trị bệnh ở bệnh viện và tôi không biết cũng như không nhận về số tiền này, vợ tôi không đem về nhà và cũng không dùng mua sắm gì trong gia đình. Nay tôi làm đơn này cho tôi được vắng mặt trong vụ khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út .

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú quyết định:

*Áp dụng các Điều 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;*

*Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Áp dụng Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú đối với bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X.*

*Buộc bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ú số tiền là 160.458.000 (Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn) đồng.*

*Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.*

Ngày 02 tháng 10 năm 2023, bị đơn bà Trần Thị D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm; bà D yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo hướng: không buộc ông X liên đới với bà để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Ú và chấp nhận cho bà trả dần số tiền nợ.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:** Bị đơn bà Trần Thị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của bà D, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ú số tiền nợ vay vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 09/01/2023 đến khi xét xử với số tiền 10.458.000 đồng, tổng cộng 160.458.000 đồng là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà D thừa nhận bà và ông X là vợ chồng còn chung sống với nhau; bà D xin trả dần số nợ nhưng phía nguyên đơn không đồng ý. Do đó, kháng cáo của bà D là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị D; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị D; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 21/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bà Trần Thị D, Hội đồng xét xử nhận định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị D kháng cáo và gửi thủ tục kháng cáo hợp lệ trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ú số tiền vay vốn là 150.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng kể từ ngày 09/01/2023 đến khi xét xử. Bà Trần Thị D thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị Ú số tiền 150.000.000 đồng, bà D đồng ý trả cho bà Ú số tiền vay vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi theo bản án sơ thẩm là 10.458.000 đồng, tổng cộng 160.458.000 đồng. Tuy nhiên, bà Ú kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý buộc ông Nguyễn Văn X có trách nhiệm liên đới cùng bà trả nợ và xin trả dần số nợ.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị D:

[2.1] Đối với kháng cáo của bà D không đồng ý buộc ông X liên đới trả nợ: Bà D cho rằng bà vay tiền của bà Ú sử dụng cho mục đích cá nhân, không nhằm phục vụ mục đích thiết yếu của gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn X cho rằng ông không biết việc bà D vay tiền cũng như bà D không sử dụng số tiền này nhằm mục đích phục vụ cuộc sống gia đình. Căn cứ vào trích lục kết hôn của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T thì bà D và ông X kết hôn vào năm 1998. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bà D trình bày bà vay tiền của bà Ú rồi cho người khác vay lại. Xét thấy, việc bà D cho người khác vay tiền cũng nhằm mục đích tạo ra nguồn thu nhập cho gia đình. Vì vậy, theo quy định của Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông X phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà D trả nợ cho bà Ú. Tòa án sơ thẩm buộc ông X và bà D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ú số tiền vay vốn 150.000.000 đồng và tiền lãi 10.458.000 đồng, tổng cộng 160.458.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà D xin trả dần số nợ: Kháng cáo này của bà D không được sự chấp nhận của phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú, hơn nữa Bộ luật dân sự không có quy định về việc trả dần số nợ.

[2.3] Xét thấy, bản án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, do đó toàn bộ kháng cáo của bà Trần Thị D là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Trần Thị D phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà D nộp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ nên bà D được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị D;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 357, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú đối với bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X.

1.1. Buộc bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ú số tiền là 160.458.000 (Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn) đồng (bao gồm 150.000.000 đồng tiền vốn và 10.458.000 đồng tiền lãi).

1.2. Tiếp tục giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2023/QĐ-BPKCTT ngày 02 tháng 6 năm 2023 để đảm bảo cho việc thi hành án.

*Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn X có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.022.900 (Tám triệu, không trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm) đồng.

2.2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Ú số tiền 3.750.000 (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai số 0001948 ngày 22 tháng 3 năm 2023 và số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0005806 ngày 01 tháng 6 năm 2023.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị D được miễn án phí phúc thẩm (do bà D thuộc trường hợp gia đình liệt sĩ theo quy định).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phạm Văn Ngọt**